

Bản án số: 58/2026/HS-ST
Ngày: 17-4-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thúy Mùi - Giáo viên trường THPT A Hải Hậu, tỉnh Ninh Bình;
2. Ông Nguyễn Ngọc Phán - Hiệu trưởng trường THCS Hải Đông, tỉnh Ninh Bình.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Hồng Thắm - Thư ký Toà án khu vực 11 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Ninh Bình tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11 – Ninh Bình xét xử kín vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 47/2026/TLST-HS ngày 30 tháng 3 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2026/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 4 năm 2026 đối với bị cáo:

Phạm Đức T, sinh ngày 29/10/2006; nơi sinh: **Xã Q, tỉnh Ninh Bình**; nơi cư trú: **Tổ dân phố G, xã R, tỉnh Ninh Bình**; căn cước công dân số: 036206028450 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 24/4/2023; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Phạm Đức T1**, sinh năm 1983 (đã chết) và bà **Trần Thị N**, sinh năm 1986; bị cáo chưa có vợ, con; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/10/2025 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực **H**, Trại tạm giam số 3, **Công an tỉnh N**. Có mặt

Bị hại: Cháu **Đỗ Thị Xuân M**, sinh ngày 04/8/2010. Vắng mặt

Đại diện hợp pháp của bị hại: Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1991. Vắng mặt.

Cùng nơi cư trú: Tổ dân phố số H, xã R, tỉnh Ninh Bình.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Bà Đặng Thị Anh T3- Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh N. Có mặt.

Người làm chứng:

1. Chị Trần Thị N, sinh năm 1986. Có mặt.
2. Cháu Trần Đức D, sinh ngày 23/12/2008. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp cho cháu D: Chị Nguyễn Thị N1, sinh năm 1986. Vắng mặt.

3. Chị Ngô Thị T4, sinh ngày 06/01/2008. Vắng mặt.
4. Cháu Nguyễn Ngọc D1, sinh ngày 27/3/2010. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp cho cháu D1: Chị Lương Thị Thanh N2, sinh năm 1981. Vắng mặt.

5. Anh Phạm Mạnh Q, sinh năm 2006. Vắng mặt.
6. Anh Nguyễn Thái Q1, sinh năm 2007. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu năm 2024, Phạm Đức T làm quen và nảy sinh tình cảm yêu đương với cháu Đỗ Thị Xuân M (sinh ngày 04/8/2010). Vào khoảng 22 giờ 30 phút ngày 23/4/2025, sau khi đi chơi cùng nhóm bạn, bị cáo T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 18LA-071.65 chở cháu M vào nhà nghỉ K tại xã R, tỉnh Ninh Bình. T thuê phòng ở tầng 1 rồi cùng M đi vào trong phòng. T và M nằm lên giường nghỉ được một lúc thì T dùng tay sờ vào vùng bụng, ngực của M rồi ôm hôn M, M cũng hôn lại T. Sau đó, T dùng tay cởi quần của M ra rồi kéo áo của M lên qua ngực. Tiếp đó, T cởi hết quần áo của mình, lấy bao cao su có sẵn trong phòng đeo vào dương vật rồi đưa dương vật đang cương cứng của T vào sâu bên trong âm đạo của M quan hệ tình dục. T và M quan hệ tình dục được khoảng 03 phút thì T xuất tinh vào bên trong bao cao su. Trong quá trình thực hiện hành vi,

T đã sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y21s để quay lại đoạn video dài 24 giây ghi cảnh nhạy cảm giữa hai người với mục đích làm kỷ niệm.

Đến đầu tháng 10/2025, giữa bị cáo T và cháu M xảy ra mâu thuẫn dẫn đến việc cháu M cắt đứt liên lạc. Do bức tức và muốn trả thù, vào khoảng 09 giờ ngày 12/10/2025, bị cáo T lập tài khoản Facebook tên “Báo thù” và sử dụng ứng dụng Messenger để gửi đoạn video quay cảnh quan hệ tình dục trước đó cho Nguyễn Ngọc D1 (sinh năm 2010) và Nguyễn Thái Q1 (sinh năm 2007). Mục đích của bị cáo là để người khác xem nhằm bôi nhọ danh dự, nhân phẩm của cháu M.

Sau khi nhận được video, Nguyễn Thái Q1 đã gửi video đến tài khoản Messenger “Đỗ Mai” của M để báo cho M biết. Nguyễn Ngọc D1 đã cho Trần Đức D xem, sau đó D gửi đoạn video đến tài khoản Messenger của D và tài khoản Messenger của Ngô Thị T4 (chị họ của M) để T4 thông báo cho M biết. Nhận thức được đoạn video trên ảnh hưởng xấu đến danh dự, nhân phẩm của M nên Q1, D1, D, T4 đã thu hồi, xóa hết tin nhắn, hình ảnh, video liên quan. Sau đó, M liên lạc với T, T thừa nhận đã gửi đoạn video trên qua tài khoản Messenger cho người khác xem. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, T đã thu hồi, xóa toàn bộ tin nhắn, video liên quan và xóa tài khoản Facebook cùng ứng dụng M1 “Báo thù”. Ngày 16/10/2025, cháu Đỗ Thị Xuân M cùng gia đình đã đến Công an xã R, tỉnh Ninh Bình để trình báo sự việc, đề nghị xử lý T theo quy định của pháp luật và giao nộp nộp 01 quần vải jeans, màu xám đen; 01 áo phông, màu đen; 01 áo lót ngực màu đen (là trang phục M mặc tối ngày 23/4/2025); 01 USB chứa đoạn video T và cháu M quan hệ tình dục với nhau có thời hạn 24 giây. Nhận thức được hành vi vi phạm của mình nên ngày 16/10/2025, T đã đến cơ quan Công an để đầu thú và giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y21s, bên trong lắp sim số 0976.026.905 và 0357.061.800. Ngoài ra, cơ quan điều tra còn thu giữ của T 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, biển kiểm soát 18LA-07165

Quá trình điều tra, Phạm Đức T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận giám định xâm hại tình dục ở trẻ em số 53/KLTDTE-TTPY ngày 23/10/2025 Của Trung tâm pháp y tỉnh N đối với cháu Đỗ Thị Xuân M kết luận: Màng trinh kiểu hình băng rua, giãn rộng đứt lọt ≥ 01 ngón tay, có vết rách cũ tại vị trí 3,5,6,8 giờ. Hiện tại không xác định được thời gian tổn thương. Âm hộ, âm đạo không có tổn thương. Các bệnh lây truyền qua đường tình dục, sự có thai: Không có. Các dấu vết thương tích, cơ chế hình thành thương tích: Không có.

Tại bản kết luận giám định khả năng tình dục nam số 55/KLKNTD-TTPY ngày 23/10/2025 Của Trung tâm pháp y tỉnh N kết luận: Qua quá trình khám giám định, kết quả cận lâm sàng, xác định Phạm Đức T tại thời điểm giám định dương vật có cấu trúc bình thường và đủ khả năng sinh lý làm cương cứng dương vật để quan hệ tình dục. Không có các bệnh lây lan qua đường tình dục.

Bản kết luận giám định số 567/KL-KTHS ngày 13/01/2026 của phòng K1 Công an tỉnh N kết luận: Không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong 01 tệp tin video gửi giám định; Tệp tin video cần giám định có dung lượng là 2,35MB.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, Phạm Đức T đã tác động gia đình bồi thường cho cháu Đỗ Thị Xuân M số tiền 120.000.000 đồng. Cháu M và gia đình đã nhận đủ số tiền trên, không có yêu cầu gì thêm về phần dân sự và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo T.

Cáo trạng số 15/CT-VKS- KV11 ngày 30/3/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Ninh Bình đã truy tố bị cáo Phạm Đức T về tội: “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” theo khoản 1, khoản 4 Điều 145 Bộ luật hình sự và tội “Làm nhục người khác ” theo điểm e khoản 2, khoản 4 Điều 155 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Phạm Đức T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân nhân dân khu vực 11 - Ninh Bình giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Phạm Đức T phạm tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” và tội “Làm nhục người khác”. Áp dụng khoản 1 Điều 145, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt Phạm Đức T từ 12 tháng đến 15 tháng tù. Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 155, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm i khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt Phạm Đức T từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt của 02 tội trên đối với bị cáo T từ 18 tháng đến 24 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/10/2025. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a, c khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét

xử: Trả lại bị cáo **T**: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, biển kiểm soát 18LA-07165; Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y21s; Tịch thu tiêu hủy: 02 sim số điện thoại 0976.026.905 và 0357.061.800; 01 quần vải jeans màu xám đen; 01 áo phông màu đen; 01 áo lót ngực màu đen; Lưu theo hồ sơ vụ án: 01 phong bì niêm phong ghi số 567/KL-KTHS ngày 13/01/2026 (bên trong đựng 01 USB chứa đoạn video **T** quan hệ tình dục với cháu **M**).

Đề nghị xử lý về việc nộp án phí theo quy định.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại, bà **Đặng Thị Anh T3**-Trợ giúp viên pháp lý thuộc **Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh N** trình bày: Thống nhất với bản cáo trạng của đại diện Viện kiểm sát truy tố bị cáo **Phạm Đức T** phạm tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” theo khoản 1 Điều 145 Bộ luật Hình sự và tội “Làm nhục người khác” theo điểm e khoản 2 Điều 155 Bộ luật Hình sự cũng như các tình tiết giảm nhẹ mà Viện kiểm sát áp dụng cho bị cáo. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, không có tiền án, tiền sự, bị hại cũng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo trong mức án đề nghị của Viện Kiểm sát cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội.

Lời nói sau cùng: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an tỉnh N**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 -Ninh Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về định tội danh: Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại; kết luận giám định pháp y về tình dục và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định:

Do có tình cảm với nhau nên khoảng 23 giờ ngày 23/4/2025, tại phòng nghỉ tầng 1 nhà nghỉ K thuộc Tổ dân phố Đ, xã R, tỉnh Ninh Bình, Phạm Đức T, sinh ngày 29/10/2006 đã thực hiện hành vi quan hệ tình dục với cháu Đỗ Thị Xuân M, sinh ngày 04/8/2010 (khi cháu M mới 14 tuổi 8 tháng 19 ngày). Quá trình quan hệ tình dục T sử dụng điện thoại di động quay lại video cảnh từ trên mặt xuống ngực, bụng, bộ phận sinh dục của M và bộ phận sinh dục của T (không quay mặt T) để làm kỷ niệm. Đến khoảng 09 giờ ngày 12/10/2025, do có mâu thuẫn với M nên T đã lập tài khoản mạng xã hội Facebook mang tên “Báo Thù” đăng nhập vào ứng dụng Messenger rồi gửi đoạn video thời hạn 24 giây có nội dung T đang quan hệ tình dục với M đến tài khoản “Nguyễn Ngọc D1” của Nguyễn Ngọc D1 và tài khoản “Thái Quốc” của Nguyễn Thái Q1 với mục đích cho người khác xem để trả thù, bôi nhọ danh dự nhân phẩm của cháu M, khiến cháu M xấu hổ, hoang mang lo sợ, không muốn gặp và tiếp xúc với mọi người.

Hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và uy tín của bị hại là người chưa thành niên, ảnh hưởng đến nếp sống văn hóa, thuần phong mỹ tục của dân tộc, gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” theo khoản 1 Điều 145 của Bộ luật Hình sự và tội “Làm nhục người khác” theo điểm e khoản 2 Điều 155 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Ninh Bình đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo Phạm Đức T có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng: Phạm Đức T có hành vi làm nhục cháu Đỗ Thị Xuân M vào ngày 12/10/2025 khi cháu M mới 15 tuổi 2 tháng 8 ngày nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội đối với người dưới 16 tuổi quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với tội Làm nhục

người khác. Đối với tội Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, bị cáo không phải chịu trách nhiệm tình tiết tăng nặng nào.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra **Phạm Đức T** đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; sau khi sự việc xảy ra bị cáo đầu thú; bị cáo cùng gia đình đã đến xin lỗi và tự nguyện bồi thường cho cháu **M** và gia đình cháu **M**; cháu **M** và đại diện hợp pháp của cháu **M** có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo **T** được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự ở cả hai tội.

[4] Từ những phân tích, nhận định ở trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo là có căn cứ, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của các hành vi mà bị cáo đã thực hiện và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo. Do đó, cần cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo. Do bị cáo bị xét xử đồng thời hai tội nên áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo làm nghề tự do, không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo đối với cả hai tội là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại đã nhận đủ số tiền bồi thường, không có yêu cầu thêm về phần dân sự nên về trách nhiệm dân sự không xem xét giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: Hội đồng xét xử đồng ý với đề xuất xử lý vật chứng của Viện kiểm sát.

[8] Các vấn đề khác:

Cháu **Nguyễn Thái Q1**, **Nguyễn Ngọc D1**, **Trần Đức D** và **Ngô Thị T4** có hành vi gửi đoạn video quan hệ tình dục của **T** và cháu **M** qua ứng dụng mạng xã hội Messenger với mục đích báo cho cháu **M** biết để tìm cách giải quyết, không có mục đích nào khác nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với **Q1**, **D1**, **D** và **T4** là phù hợp.

Đối với ông **Trần Văn Đ** cho bị cáo **T** và cháu **M** thuê phòng nghỉ nhưng không biết việc bị cáo **T** thực hiện hành vi quan hệ tình dục với cháu **M** nên không có căn cứ để xử lý đối với ông **Đ**.

[9] Án phí: Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[11] Xét đề nghị của Viện kiểm sát Khu vực 11 - Ninh Bình là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 145, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo **Phạm Đức T** phạm tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”. Xử phạt bị cáo **Phạm Đức T** 14 (mười bốn) tháng tù.

Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 155, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm i khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo **Phạm Đức T** phạm tội “Làm nhục người khác”. Xử phạt bị cáo **Phạm Đức T** 06 (sáu) tháng tù.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự: Buộc **Phạm Đức T** phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 20 (hai mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16 tháng 10 năm 2025.

2. Xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, điểm a, c khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại bị cáo **T**: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, biển kiểm soát 18LA-07165; Tịch thu hoá giá sung quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y21s; Tịch thu tiêu hủy: 02 sim số điện thoại 0976.026.905 và 0357.061.800, 01 quần vải jeans màu xám đen, 01 áo phông màu đen, 01 áo lót ngực màu đen. (Vật chứng của vụ án theo như biên bản giao nhận vật chứng giữa **Công an tỉnh N** và Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 11, tỉnh Ninh Bình lập ngày 17-4-2026).

Lưu theo hồ sơ vụ án: 01 phong bì niêm phong ghi số 567/KL-KTHS ngày 13/01/2026 (bên trong đựng 01 USB chứa đoạn video **T** quan hệ tình dục với cháu **M**)

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc Bị cáo **Phạm Đức T** phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh + VKSND tỉnh;
- Sở tư pháp tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 11-Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã Rạng Đông;
- Bị cáo;
- Bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Vũ Văn Anh